

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2025/HNGĐ - ST.

Ngày: 23/6/2025.

*“V/v: Tranh chấp về quyền
và nghĩa vụ chăm sóc”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân.

2. Bà Trần Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Thu Duy - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Thường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2024/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc: *“Tranh chấp về quyền và nghĩa vụ chăm sóc”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên Tòa số 19/2025/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Lô H, Ô, đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Bà T ủy quyền cho:

- Ông Dương Lưu Công M, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Lô H, Ô, đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Trần Thái H.

Địa chỉ: Tổ A, đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Minh Y, Luật sư Nguyễn Thiện K - thuộc Công ty L2, chi nhánh tỉnh K.

Địa chỉ: Lô H, Ô, đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số B, tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn H2, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ E, ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Bà T, ông M, Luật sư K có mặt; các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông D Lưu Công M trình bày: Bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1941; HKTT: tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L) là người mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 01/2010/QĐST - DS ngày 25/03/2010 của Toà án nhân dân huyện Lâm Hà. Bà N có 03 người con gồm có: ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị Như T, ông Trần Văn H2 (ông H2 là con riêng của bà N). Ông H1 là người mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 01/2012/QĐST - VDS ngày 28/02/2012 của Toà án nhân dân huyện Lâm Hà. Bà T là con thứ 2 hoàn toàn đủ minh mẫn, tinh táo và đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng bà N nên được xác định là giám hộ đương nhiên của bà N. Sau đó, bà T đã làm thủ tục đăng ký giám hộ tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, theo trích lục giám hộ số: 01/TLGH ngày 03/05/2024. Trước đó, việc bà N sinh sống tại nhà vợ chồng ông H1, bà M1. Việc chăm sóc không được đảm bảo, bởi gia đình bà M1 thường xuyên để bà N đi lang thang. Vì tinh thần không minh mẫn nên đi xin ăn khắp nơi, sức khỏe, nơi ăn ở không được đảm bảo (bà N ở khu bếp sau nhà bà M1).

Trên cơ sở đó, bà T đã nhiều lần đề nghị bà M1 về việc chăm sóc bà N tại nhà riêng nhằm thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như đưa bà N khám chữa bệnh, lấy thuốc bởi bà N mắc bệnh tâm thần từ năm 2001. Tuy nhiên bà M1 không đồng ý và ra sức ngăn cản, chửi mắng đuổi bà T, khi bà T đến thăm mẹ của mình. Vì thương mẹ và hiện nay bà T đang sống một mình. Do đó bà T vẫn cương quyết đưa bà N về nhà riêng để nuôi dưỡng chăm sóc. Việc trở nên phức tạp, căng thẳng khi bà T đưa bà N về nhà riêng tại địa chỉ thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì vào ngày 20/08/2023 có ba người con của ông H1, bà M1 là ông Nguyễn Phước L, ông Nguyễn Phi L1, ông Nguyễn Văn B đã đến nhà riêng của bà T để phá ổ khoá, cửa nhà, dùng lời nói đe dọa yêu cầu bà T không được thăm, chăm sóc,

nuôi dưỡng bà N. Vụ việc trên đã được bà T trình báo với công an xã Đ và được giải quyết bằng sự thoả thuận dân sự. Ngày 07/06/2024 theo đơn đề nghị của bà T Ủy ban nhân dân thị trấn Đ đã tiến hành hoà giải vụ việc, liên quan đến đề nghị bà M1 giao bà N cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng không thành. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1 chấm dứt hành vi cản trở quyền, nghĩa vụ chăm sóc bà Nguyễn Thị N. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1 giao bà Nguyễn Thị N cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M1 trình bày: Bà là con dâu của bà Nguyễn Thị N. Chồng bà ông Nguyễn Mạnh H1 là con trai của bà N. Bà Nguyễn Thị N đã ở với vợ chồng ông bà mấy chục năm nay. Trong thời gian bà N ở với vợ chồng ông bà thì vợ chồng ông bà chăm sóc bà N rất tốt. Khoảng 02 tháng nay khi bà N đang đi ngoài đường thì bà T đã bắt bà N về ở với bà T từ đó cho đến nay. Qua yêu cầu khởi kiện của bà N thì bà không đồng ý giao bà N cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H2 trình bày: Ông là con ruột của bà N. Bà Nguyễn Thị N có 03 người con gồm có ông Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1963; Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1966 và ông (ông là con riêng của bà N). Nay bà Nguyễn Thị Như T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1 chấm dứt hành vi cản trở quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng bà N và buộc ông H1, bà M1 giao bà N cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì ông không đồng ý vì từ trước đến năm 2002 bà N được ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Năm 2003 ông về tỉnh Bình Phước sinh sống nên giao bà N cho ông H1, bà M1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay. Bà T khi đó đã đi lấy chồng và không về nhà. Vì vậy, ông vẫn muốn mẹ ông được ông H1, bà M1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, của Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T về việc: “*Tranh chấp về quyền và nghĩa vụ chăm sóc*” với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1.

Bà Nguyễn Thị Như T có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị N. Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1 và ông Trần Văn H2 có quyền thăm nom bà Nguyễn Thị N. Bà Nguyễn Thị Như T không được cản trở người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ thực hiện nghĩa vụ và quyền của con đối với mẹ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như T về việc yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trở quyền, nghĩa vụ chăm sóc với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1.

Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thái H; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Nguyễn Thị Minh Y; bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1 vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H2 vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc bà T cho rằng bà Nguyễn Thị N là người mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 01/2010/QĐST - DS ngày 25/03/2010 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà. Bà N có 03 người con là ông H1, bà T và ông H2. Ông H1 là người mất năng lực hành vi dân sự. Bà là người minh mẫn, tinh táo, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng bà N. Trước đây, bà N sinh sống tại nhà vợ chồng ông H1, bà M1. Việc chăm sóc không được đảm bảo bởi bà M1 thường xuyên để bà N đi lang thang, sức khỏe, nơi ăn ở không được đảm bảo. Vì vậy, bà đã nhiều lần yêu cầu ông H1, bà M1 giao bà N cho bà chăm sóc. Tuy nhiên, ông H1, bà M1 không đồng ý. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H1, bà M1 chấm dứt hành vi cản trở. Buộc ông H1, bà M1 giao bà N cho bà

chăm sóc, nuôi dưỡng. Qua yêu cầu của bà T thì bà M1 không đồng ý. Vì vậy, các bên phát sinh tranh chấp nên cần căn cứ khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp về quyền và nghĩa vụ chăm sóc”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự:

Qua xem xét lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật hôn nhân và gia đình thì con có bốn phận yêu quý, kính trọng, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình. Theo quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2010/QĐST-DS ngày 25/03/2010 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã tuyên bố bà Nguyễn Thị N mất năng lực hành vi dân sự và quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, hiện nay bà Năm T1 đã cao, sức yếu và đã bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nên các con của bà N phải có quyền và nghĩa vụ của con là chăm sóc, phụng dưỡng bà N là đúng với đạo lý con người Việt Nam.

[4] Đối với việc bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1 giao bà Nguyễn Thị N cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng thì thấy rằng: Trước đây bà N đã được vợ chồng ông H1, bà M1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Như T yêu cầu Tòa án giải quyết giao bà Nguyễn Thị N cho bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ: Hiện nay bà N là người đã bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 01/2010/QĐST - DS ngày 25/03/2010 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà. Bà N không nhận thức và điều khiển được hành vi của mình. Bà N có 03 người con gồm có bà T, ông H2, ông H1. Ông H1 là người đã bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 01/2012/QĐST - VDS ngày 28/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà. Bà Nguyễn Thị M1 là con dâu của bà N. Ông H2 hiện nay đang sinh sống và cư trú tại huyện B, tỉnh Bình Phước. Qua làm việc ông H2 cũng không có yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng bà N. Hiện nay bà M1 đang phải chăm sóc ông H1 bị mất năng lực hành vi dân sự. Bà T là con gái của bà N. Bà T không bị mất năng lực hành vi dân sự và có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng bà N. Bên cạnh đó bà T được xác định là người giám hộ đương nhiên của bà N. Nên việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết giao bà N cho bà T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp và đúng với quy định của pháp luật. Hơn nữa trên thực tế từ tháng 12/2024 cho đến nay bà N đã ở với bà T do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Đối với việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1 chấm dứt hành vi cản trở quyền, nghĩa vụ chăm sóc bà Nguyễn Thị N của bà T. Tại phiên Tòa hôm nay bà T xin rút yêu cầu này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[6] Theo quy định tại Điều 111 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con đã thành niên không sống chung với cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha, mẹ trong trường hợp cha, mẹ không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có ý kiến và yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi bà N nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết là phù hợp.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 71, Điều 72 và Điều 111 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Điều 10 Luật người cao tuổi năm 2009.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T về việc: “*Tranh chấp về quyền và nghĩa vụ chăm sóc*” với bị đơn ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1.

Bà Nguyễn Thị Như T có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị N. Vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1, ông Trần Văn H2 có quyền thăm nom bà Nguyễn Thị N. Bà Nguyễn Thị Như T không được cản trở người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ thực hiện nghĩa vụ và quyền của con đối với mẹ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1 chấm dứt hành vi cản trở quyền, nghĩa vụ chăm sóc bà Nguyễn Thị N của bà Nguyễn Thị Như T.

3. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị M1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Như T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0005185 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/6/2025). Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lâm Hà;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Dũng